

**CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC NỘI THẤT VŨ GIA - VGAF**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC NỘI THẤT VŨ GIA - VGAF

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VGAF - VU GIA INTERIOR DECORATION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107876576

**3. Ngày thành lập:** 06/06/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 36 ngõ 192 phố Đại Từ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0904469058

Fax:

Email: Vulongvu1@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>Tổng thiết kế mặt bằng , kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;<br>Thiết kế quy hoạch xây dựng , thiết kế kiến trúc công trình<br>Thiết kế kết cấu đối với công trình xây dựng dân dụng , công nghiệp;<br>Thiết kế điện công trình dân dụng, công nghiệp;<br>Thiết kế đường dây tải điện và trạm biến áp đến 220KV, công trình điện năng , điện chiếu sáng công trình dân dụng và công nghiệp;<br>Thiết kế công trình cầu, đường bộ;<br>Thiết kế cấp thoát nước<br>Lập dự án các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật, thẩm tra thiết kế và dự toán<br>Tư vấn lập dự án, thẩm định dự án , quản lý dự án đầu tư xây dựng<br>Lập hồ sơ mời thầu và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu<br>Giám sát thi công xây dựng, kiểm định công trình xây dựng | 7110(Chính) |
| 2.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất (không bao gồm thiết kế công trình)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7410        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 3.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa;<br>- Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế;<br>- Bán buôn sơn và véc ni;<br>- Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi;<br>- Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn;<br>- Bán buôn kính phẳng;<br>- Bán buôn đồ ngũ kim và khoá;<br>- Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;<br>- Bán buôn bình đun nước nóng;<br>- Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác;<br>- Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, nút chữ T, ống cao su,...;<br>- Bán buôn dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác. | 4663 |
| 4.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt thép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4662 |
| 5.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4669 |
| 6.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4651 |
| 7.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4652 |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4653 |
| 9.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4659 |
| 10. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4649 |
| 11. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4752 |
| 12. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4759 |
| 13. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4741 |
| 14. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4100 |
| 15. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4210 |
| 16. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4220 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4312 |
| 18. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4311 |
| 19. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4321 |
| 20. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                 | 4322 |
| 21. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4330 |
| 22. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>+ Lắp đặt trần, vách thạch cao<br>+ Thang máy, cầu thang tự động,<br>+ Các loại cửa tự động,<br>+ Hệ thống đèn chiếu sáng,<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống âm thanh,<br>+ Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.<br>+ Lắp đặt hệ thống xây dựng khác | 4329 |
| 23. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết: + Xây dựng nền móng của toà nhà<br>+ Chống ẩm các toà nhà,<br>- Xây dựng bể bơi ngoài trời;<br>- Các hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                       | 4390 |
| 24. | Đại lý, môi giới, đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4610 |
| 25. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;                                                                                                                                                                            | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: VŨ MẠNH LONG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 05/08/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001076014897

Ngày cấp: 01/03/2017

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 36 ngõ 192, phố Đại Từ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 36 ngõ 192, phố Đại Từ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: **VŨ MẠNH LONG**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *05/08/1976*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *001076014897*

Ngày cấp: *01/03/2017*

Nơi cấp: *Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 36 ngõ 192, phố Đại Từ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 36 ngõ 192, phố Đại Từ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*